Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu
và
Hòa Đàm Paris

Lâm Vĩnh Thế

Hoa Kỳ và Bắc Việt đã chính thức khởi sự thương thuyết công khai tại Paris, Pháp, từ ngày 13-5-1968. Vì là đàm phán công khai, hai bên không thể tạo được thỏa hiệp nên hoàn toàn không có kết quả chi cả. Do đó hai bên đồng ý chấm dứt họp công khai và bắt đầu họp kín từ ngày 26-6-1968. Tại phiên họp ngày 19-8-1968, Phó Trưởng Đoàn Hoa Kỳ Cyrus Vance lần đầu tiên đề nghị là nên mở rộng thành phần tham dự hòa đàm bằng cách mời cả 2 phe VNCH và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) tham gia. Phó Trưởng Đoàn Bắc Việt Hà Văn Lâu đồng ý xem xét đề nghị này. Tổng Thống Thiệu không đồng ý về việc này vì ông cho rằng làm như vậy là công khai và chính thức công nhận MTGPMN như một thực thể chính trị tại Miền Nam, nhưng vào lúc đó ông không chính thức thông báo sự phản đối này của ông cho Chính phủ Hoa Kỳ biết, vì ông tin rằng Bắc Việt sẽ không chấp nhận đề nghị mở rộng hòa đàm vì Bắc Việt không công nhận chính quyền VNCH.[1] Quả đúng như nhận xét của Tổng Thống Thiệu, Bắc Việt không chấp nhận đề nghị đó. Hai tháng sau, vào tháng 10-1968, cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ đi vào giai đoạn cuối (ngày bầu cử là 5-11-1968) rất quyết liệt giữa 2 ứng cử viên Humphrey của Đảng Dân Chủ và Nixon của Đảng Cộng Hòa. Các cuộc thăm dò ý kiến cử tri đều cho thấy là khoảng cách giữa 2 ứng cử viên ngày càng hẹp lại với sự ủng hộ của dân chúng dành cho ông Humphrey đang càng ngày càng tăng lên và ông Humphrey có thể sẽ thắng. Phe Cộng sản rất muốn ông Humphrey thắng vì lập trường hòa bình của ông có lợi cho họ. Quay 180 độ, tại phiên họp ngày 26-10-1968, đại diện Bắc Việt Xuân Thủy tuyên bố chấp nhận đề nghị hòa đàm 4 phe của Hoa Kỳ, coi như đó là một nhượng bộ của ho, và, dĩ nhiên, họ cũng mong đợi một nhượng bộ từ phía Hoa Kỳ. Chính phủ Johnson vui mừng chớp ngay thời cơ. Đại sứ Hoa Kỳ tại VNCH, ông Ellsworth Bunker được lệnh ráo riết vận động Tổng Thống Thiệu đồng ý ký tên vào Thông Cáo Chung Việt Mỹ về việc ngưng oanh tạc Bắc Việt (mà Tổng Thống Johnson sẽ tuyên đọc vào tối ngày 31-10-1968) và cử ngay phái đoàn VNCH sang Paris để tham gia Hòa Đàm. Ông Thiệu đồng ý với các đề nghị đó của Hoa Kỳ. Ngày 30-10-1968, đại diện Hoa Kỳ ông Harriman báo cho Xuân Thủy biết trước là vào tối ngày hôm sau, 31-10-1968, vào khoảng 7 hay 8 giờ tối giờ Washington, Tổng Thống Johnson sẽ tuyên bố ngưng toàn bộ chiến dịch oanh tạc Bắc Việt. Với diễn tiến này chắc chắn ông Humphrey sẽ thắng trong cuộc bầu cử 5 ngày sau đó. Nhưng rồi mọi việc đã không diễn ra theo kế hoạch đã thông qua giữa 2 chính phủ Việt-Mỹ. Cũng trong ngày 30-10-1968 đó, Tổng Thống Thiệu quay 180 độ, báo cho phía Hoa Kỳ biết là ông từ chối không ký vào Thông Cáo Chung đó và cũng từ chối luôn việc cử phái đoàn VNCH sang Paris vào ngày 6-11-1968 như đã thỏa thuận. Tối ngày 31-10-1968, Tổng Thống đành phải đơn phương tuyên bố ngưng oanh tạc Bắc Việt. Nhưng vì sẽ không có sự tham dự của phái đoàn VNCH, Hòa Đàm Paris coi như

bị khựng lại, chẳng giúp ích được gì cho ứng cử viên của Đảng Dân Chủ. Năm ngày sau, ông Humphrey đã thất cử. Ông Nixon thắng cử với một số lượng phiếu rất thấp, không tới 1% của tổng số phiếu dân bầu. Việc gì đã xảy ra khiến cho Tổng Thống Thiệu thay đổi lập trường vào giờ chót và giúp cho ông Nixon thắng cử như vậy? Trong cuốn hồi ký của ông, tác giả Bùi Diễm, Đại sứ VNCH tại Hoa Kỳ lúc đó, viết như sau: ***"Bốn giờ sáng ngày 30 tháng 10, nghe tiếng chuông điện thoại, tôi choàng dậy thì ở đầu dây, anh Hoàng Đức Nhã, bí thư của ông Thiệu, gọi từ Sài Gòn cho biết là chính phủ đang xét lại việc ông Thiệu cùng ký với Tổng Thống Johnson vào bản thông cáo chung, như đã được thỏa thuận với ông Bunker. Lý do chính là từ Ba Lê đại sứ Phạm Đăng Lâm cho biết là hai ông Harriman và Vance không bảo đảm được điều khoản Bắc Việt sẽ thực sự và trực tiếp đàm phán với Việt Nam vì "Hoa Kỳ không có cách nào bắt buộc được Bắc Việt làm việc đó." Được tin này, ông Thiệu đã triệu hồi ngay ông Lâm về nước để tham khảo ý kiến."*** [2] Đó là lý do chính thức mà phía VNCH đưa ra để giải thích việc thay đổi lập trường về Hòa Đàm Paris vào phút chót. Phía Hoa Kỳ thì Chính phủ Johnson hoàn toàn không tin câu chuyện đó. Tổng Thống Johnson, trong cuốn hồi ký của ông, đã ghi lại về việc này như sau: ***"I believe Thieu and his colleagues were eager to get on good terms with what they thought would be the new administration. I had reason to believe they had been urged to delay going to the Paris meetings and promised they would get a better deal from a Nixon administration than from Humphrey. I had no reason to think that the Republican candidate Nixon was himself involved in this maneuvering, but a few individuals active in his campaign were."*** [3] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Tôi tin rằng ông Thiệu và các người cộng sự của ông ta rất muốn có quan hệ tốt với cái mà họ nghĩ sẽ là chính quyền mới của Hoa Kỳ. Tôi có lý do để tin rằng họ đã bị xúi dục chậm tham dự các phiên họp ở Paris và đã được hứa hẹn sẽ được lợi hơn với một chính quyền Nixon hơn là Humphrey. Tôi không có lý do gì để nghĩ rằng ứng cử viên Cộng Hòa Nixon có dính líu đến vụ dàn xếp chính trị này, nhưng một vài cá nhân trong bộ máy tranh cử của ông ấy chắc chắn là có dính líu").* Khi Tổng Thống Johnson nói ***"tôi có lý do để tin"*** là ông nói thật và nói một cách lịch sự. Vì quả thật chính ông đã ra lệnh cho 2 cơ quan an ninh của Hoa Kỳ là CIA (Central Intelligence Agency = Cơ quan Trung Ương Tình Báo) và FBI (Fereral Bureau of Investigation = Cơ Quan Điều Tra Liên Bang) theo dõi, ngay cả nghe lén điện thoại, của Đại sứ VNCH Bùi Diễm, cũng như các công điện gửi về VN từ Tòa Đại sứ. Mọi việc bắt đầu từ buổi gặp gỡ vào ngày 12-7-1968 của Đại sứ Bùi Diễm với ứng cử viên của Đảng Cộng Hòa Richard Nixon tại Khách sạn Pierre ở New York do bà Anna Chennault giới thiệu. Bà Anna Chennault, gốc Trung Hoa, là góa phụ của Tướng Không Quân Hoa Kỳ Claire Chennault, tư lệnh nổi danh của Không Đoàn Phi Hổ (Flying Tigers) thời Đệ Nhị Thế Chiến. Bà là một thành viên quan trọng trong ủy ban vận động tranh cử của ông Nixon. Sau cuộc gặp gỡ ngày 12-7 đó, bà trở thành người liên lạc giữa người của ông Nixon và Đại sứ Bùi Diễm. CIA và FBI đã nghe lén tất cả những liên lạc điện thoại giữa bà và Đại sứ Bùi Diễm. Trong cuốn hồi ký của ông, Đại sứ Bùi Diễm cũng xác nhận như sau: ***"Sự thực thì điều làm tôi thắc mắc hơn cả là từ đâu mà một phần nội dung của những mật điện của tôi bị thất thoát ra ngoài, nhưng thắc mắc bao nhiêu chăng nữa, tôi cũng không thể nào ngờ được rằng cả hai cơ quan CIA và FBI đều được lệnh theo dõi những hoạt động của tôi."*** [4] Mặc dù nắm được một số bằng chứng

trong tay, Tổng Thống Johnson quyết định bỏ qua toàn bộ vụ việc vì việc theo dõi, nghe lén điện thoại, và đánh cắp công điện mật của Tòa đại sứ một nước đồng minh như thế vừa bất hợp pháp vừa không có lợi cho uy tín chính trị và ngoại giao của Hoa Kỳ. Khi mọi việc đã xong, với ông Nixon đã là Tổng Thống đắc cử của Hoa Kỳ, ngày 7-12-1968, Tổng Thống Thiệu đã chính chính thức cử một phái đoàn VNCH do chính Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ cầm đầu sang Paris dự Hòa Đàm.[5]

Qua sự việc vừa kể trên, chúng ta có một nhận định về con người của Tổng Thống Thiệu. Ông không coi người Mỹ là một Đồng Minh tuyệt đối đáng tin cậy trong Hòa Đàm Paris. Ông thật sự là một người yêu nước, dám chống lại những hành động hay việc làm của người Mỹ nếu có hại cho VNCH, và dứt khoát không phải là một "yes-man" như người Mỹ mong đợi. Chính ông Kissinger cũng công nhận điều này. Ông viết như sau trong cuốn hồi ký của mình, ở 2 trang 1324-1325: ***"Thieu was a patriot and a highly intelligent man… But the imperatives on him were almost diametrically the opposite of ours… Our goal was honor; we could (as the phrase went) run a risk for peace. But Thieu's problem was survival; he and his people would be left indefinitely after we departed; he had no margin for error."*** [6] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Ông Thiệu là một người yêu nước và là một người rất thông minh… Nhưng những chuyện tối cần thiết của ông gần như là đối nghịch với những chuyện tối cấn thiết của chúng tôi… Mục tiêu của chúng tôi là danh dự; chúng tôi (như người ta thường nói) có thể liều với hòa bình. Nhưng vấn đề của ông Thiệu là việc sống còn; ông và nhân dân của ông sẽ bị bỏ mặc sau khi chúng tôi ra đi; ông không có thể sai lầm").* Chúng ta sẽ còn chứng kiến khía cạnh này của con người Tổng Thống Thiệu nhiều lần nữa, đặc biệt là việc ông từ chối không ký Hiệp Định Paris trong tháng 10-1972.

Việc Tổng Thống Thiệu không tin tưởng hoàn toàn vào Đồng Minh Hoa Kỳ trong Hòa Đàm Paris có lý do rất chính đáng. Qua các báo cáo định kỳ của Đại sứ Bùi Điễm, Tổng Thống Thiệu đã biết rất rõ là Hoa Kỳ đã thay đổi chính sách và quyết định bằng mọi giá phải thương thuyết để có thể rút quân. Hoa Kỳ đã đơn phương xuống thang trong những điều kiện căn bản về hòa đàm như sau: [7]

- Trong văn thư gửi cho Hồ Chí Minh ngày 8-2-1967: Hoa Kỳ sẽ ngưng oanh tạc Bắc Việt nếu Hà Nội ngưng xâm nhập quân vào Miền Nam; và Hoa Kỳ sẽ rút quân nếu Bắc Việt cũng rút quân về. Hồ Chí Minh bác bỏ.
- Trong tuyên bố tại San Antonio, Texas, ngày 29-9-1967: Hoa Kỳ sẵn sàng ngưng oanh tạc Bắc Việt nếu việc này có thể nhanh chóng đưa đến thảo luận nghiêm chỉnh và nếu Hà Nội "không lợi dụng" việc ngưng oanh tạc này. Mai Văn Bộ, đại diện của Hà Nội tại Paris vẫn bác bỏ, và chủ trương việc ngưng oanh tạc Bắc Việt là "vô điều kiện."
- Trong tuyên bố ngày 31-3-1968, Tổng Thống Johnson đơn phương và vô điều kiện ngưng oanh tạc Bắc Việt ở phía Bắc của vĩ tuyến 20. Hà Nội đồng ý đàm phán và hai phe bắt đầu họp tại Paris, Pháp, từ ngày 13-5-1968

- Trong tuyên bố ngày 31-10-1968, Tổng Thống Johnson ra lệnh ngưng hoàn toàn việc oanh tạc Bắc Việt, và đồng ý mở rộng Hòa Đàm Paris để có cả sự hiện diện của VNCH và MTGPMN

Sau khi ông Nixon trở thành Tổng Thống Hoa Kỳ, thay ông Johnson, cách làm của Hoa Kỳ có thề thay đổi nhưng mục tiêu thì không: vẫn là không tham chiến nữa (disengagement), có nghĩa là, dù cho VNCH có muốn và đồng ý hay không, Hoa Kỳ cũng sẽ rút quân, và tiến tới ký kết với Bắc Việt để hoàn tất việc rút quân và đem tù binh về. Điều kiện căn bản về hòa đàm mà chính Hoa Kỳ đặt ra ngay từ đầu, ***Bắc Việt phải ngưng đưa quân xâm nhập vào Miền Nam và rút quân về***, đã bị bỏ qua một bên, và sẽ không được đề cập đến nữa. Trên thực tế, Hoa Kỳ đã tiến hành rút quân từ sau Hội Nghị Thượng Đỉnh Midway giữa Tổng Thống Nixon và Tổng Thống Thiệu vào ngày 8-6-1969, và đến cuối năm 1971, quân số Hoa Kỳ tại VNCH đã giảm từ 536.100 (1968) xuống còn có 156.800.[8] Vì Hòa Đàm Paris không tiến triển, Tổng Thống Nixon quyết định cử Tiến sĩ Henry Kissinger, Cố Vấn An Ninh Quốc Gia của ông, tiến hành mật đàm với Lê Đức Thọ. Sau khi chuyển sang mật đàm tay đôi giữa Kissinger và Lê Đức Thọ từ ngày 21-2-1970, phía VNCH không còn biết rõ được những gì xảy ra nữa. Trên thực tế, Kissinger không những đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác về các vấn đề quân sự (rút quân) mà còn tự động cho mình cái quyền thảo luận với Bắc Việt cả những vấn đề chính trị của VNCH. Trên nguyên tắc, Hoa kỳ phải luôn luôn thông báo và tham khảo chính phủ VNCH về những diễn tiến của Hòa Đàm Paris, trên thực tế, Kissinger chỉ thông báo cho chính phủ VNCH những gì ông muốn thông báo, và lờ đi những chuyện khác, đặc biệt là những nhượng bộ của ông tại mật đàm với Lê Đức Thọ. Phần Bắc Việt, vì biết quá rõ mong muốn sớm rút quân và kết thúc cuộc chiến của Hoa Kỳ, nên không chịu nhượng bộ gì cả, cố tình kéo dài thương thuyết, và chuẩn bị cho cuộc Tổng Tấn Công vào cuối tháng 3-1972 để tăng thêm thế mạnh của họ tại hòa đàm. Do đó Hòa Đàm Paris đã dậm chân tại chỗ trong suốt gần 4 năm. Trong thời gian này, Hoa Kỳ tích cực tìm cách tiếp cận Trung Quốc. Tháng 7-1971, Kissinger bí mật sang Bắc Kinh để chuẩn bị cho chuyến viếng thăm chính thức Trung Quốc của Tổng Thống Nixon vào tháng 2-1972. Sang tháng 5-1972, cũng do dàn xếp của Kissinger, Nixon sang Moscow họp thượng đỉnh với Brezhnev, Tổng Bí Thư của Đảng Cộng sản Liên Xô. Bắc Việt rất lo lắng các với biến cố này vì họ không biết Hoa Kỳ có ký kết mật ước gì với Trung Quốc và Liên Xô hay không, đặc biệt là với Trung Quốc (họ vẫn còn nhớ đã từng bị Trung Quốc đâm sau lưng trong Hội Nghị Genève 1954). Sau khi thất bại hoàn toàn trong cuộc Tổng Tấn Công năm 1972, và trước viễn ảnh Tổng Thống Nixon sẽ được tái cử, nghĩa là họ sẽ còn phải tiếp tục đương đầu với Tổng Thống Nixon thêm 4 năm nữa, cùng với những lo âu về tác động có thể có của mối quan hệ Mỹ-Hoa vừa hình thành, Bắc Việt đã quyết định tạm thời hài lòng với những gì đã đạt được trong mật đàm và tỏ ra chiều hướng muốn sớm ký kết với Kissinger trước khi bầu cử Tổng Thống Mỹ diễn ra vào đầu tháng 11-1972. Kết quả là đã diễn ra rất nhiều phiên họp rất tích cực trong các tháng giữa năm 1972, và lập trường thương thuyết giữa Bắc Việt và Hoa Kỳ đã tiến đến gần nhau rất nhiều với một số nhượng bộ từ phía Bắc Việt. Trong cuốn hồi ký của ông, Kissinger ghi lại như sau ở trang 1318: ***"After three meetings, then, there had been significant movement, entirely by Hanoi; it was moving in the right direction but not at a pace that would keep it***

from reversing course later. Hanoi had given up the demand for Thieu's immediate removal. It had agreed to negotiating forums in which the Saigon government would parricipate, thus in a sense recognizing its legitimacy. It had abandoned the absurd demand for an unconditional deadline for the withdrawal of American forces. The proposed coalition government, heretofore a transparent front for a Communist takeover, had been reduced to a fifty-fifty split of power." [9] (Xin tạmdịch sang Việt ngữ như sau: *"Kế đó, sau ba phiên họp, đã có biến chuyển quan trọng, hoàn toàn do phía Hà Nội; họ đã đi đúng hướng nhưng không phải với một tốc độ có thể giúp họ quay ngược lại được. Hà Nội đã từ bỏ yêu cầu phải loại bỏ Thiệu ngay. Họ đã đồng ý thương thuyết về các diễn đàn mà chính phủ Sài Gòn sẽ tham gia, và như vậy có nghĩa là họ công nhận tính chính thống của chính phủ này. Họ đã từ bỏ cái đòi hỏi vô lý về thời hạn chót vô điều kiện cho việc rút quân của Hoa Kỳ. Cái chính phủ liên hiệp mà họ đề nghị, cho tới lúc đó chỉ là một cái bình phong quá rõ ràng cho việc chiếm quyền của Cộng sản, đã được giảm xuống thành một sự chia quyền 50-50").* Ngày 17-8-1972, Kissinger đến Sài Gòn để trình bày và thảo luận với Chính phủ VNCH về những tiến triển này. Trọng tâm của việc thương thuyết bây giờ không còn là về mặt quân sư nữa (vấn đề Mỹ rút quân) vì Hoa Kỳ đã rút gần hết quân về rồi (vào tháng 8-1972, Hoa kỳ chỉ còn lại khoảng 27.000 quân tại VNCH, chỉ hơn phân nửa số 50.000 quân Mỹ đóng tại Nam Hàn từ sau năm 1953), mà ngiêng nặng về các vấn đề chính trị của VNCH. Kissinger trình Tổng Thiệu một bản đề nghị mà ông sẽ công bố và thảo luận với phe Bắc Việt trong phiên họp sắp tới với Lê Đức Thọ vào ngày 15-9-1972. Về mặt quân sự, Hoa kỳ dời thời hạn chót để rút hết quân từ 4 tháng xuống còn 3 tháng. Về chính trị, Hoa Kỳ tiếp tục bác bỏ đề nghị thành lập chính phủ liên hiệp của Bắc Việt, nhưng sẽ đề nghị một ủy ban hỗn hợp ba thành phần để tổ chức bầu cử. Trong khi trình bày bản đề nghị này, Kissinger dùng luận cứ là cần phải làm như vậy để giúp Tổng Thống Nixon có thể thắng cử vào tháng 11. Đây là một luận cứ không trung thực vì Tổng Thống Nixon không cần điều này trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1972. Trong cuốn hồi ký của ông, Tổng Thống Nixon viết như sau: ***"The opinion polls confirmed my own intuition that, in terms of voter support, my handling of the war was generally viewed as a positive issue for me and a negative one for McGovern, who was perceived as weal and favoring surrender. Therefore, any settlement that was hastily completed in time for the election would look cynical and suspicious … I am inclined to think that the better bargaining time for us would be immediately after the election rather than before."*** [10] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Các cuộc thăm dò dư luận đều khẳng định trực giác của tôi rằng, về mặt ủng hộ của cử tri, cách điều hành cuộc chiến của tôi phần lớn được xem là một yếu tố tích cực đối với tôi và tiêu cực đối với ông McGovern, người bị xem như là yếu và chủ trương đầu hàng. Do đó bất cứ thỏa thuận nào hoàn tất một cách vội vã cho kịp trước bầu cử sẽ bi xem là ích kỷ và đáng nghi ngờ. … Tôi nghĩ rằng thời điểm tốt hơn để thương thuyết là ngay sau bầu cử hơn là trước bầu cử").* Ngày hôm sau, 18-8-1972, Tổng Thống đưa cho Kissinger một văn thư 4 trang gồm hơn 20 đề nghị sửa đổi đối với bản đề nghị của Hoa Kỳ, trong đó có 2 điều quan trọng là : 1) yêu cầu thay cụm từ "standstill cease-fire = ngưng bắn tại chỗ" bằng cụm từ "general cease-fire = ngưng bắn tổng quát"; và, 2) phản đối việc thành lập Ủy Ban Hòa Giải Dân Tộc (UBHGDT) gồm 3 thành phần (the tripartite Committee of National Reconciliation), với lý do điều này sẽ

tạo ra nghi ngờ đối với nhân dân Miền Nam. Tổng Thống Thiệu cũng cho Kissinger biết là ông cần thời gian để suy nghĩ và chuẩn bị về mặt tâm lý và chính trị đối với đề nghị của Hoa Kỳ. Trong cuốn hồi ký về Hòa Đàm Paris của ông, tác giả Nguyễn Phú Đức, Phụ Tá Đặc Biệt của Tổng Thống Thiệu, có mặt tại buổi họp này, đã ghi lại như sau: ***"In Saigon, at the end of the 18 August session, President Thieutold Kissinger: We need time to think about it. We are not prepared psychologically and politically on your proposal."*** [11] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Tại Sài Gòn, vào cuối phiên họp ngày 18 Tháng 8, Tổng Thống Thiệu bảo Kissinger: Chúng tôi cần thời gian để suy nghĩ về chuyện này. Chúng tôi chưa chuẩn bị về mặt tâm lý và chính trị đối với đề nghị của ông").* Sau khi Kissinger rời Sài Gòn, Tổng Thống đã triệu tập một phiên họp đặc biệt của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia gồm Tổng Thống, Phó Tổng Thống Trần Văn Hương, Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, các ông Nguyễn Phú Đức và Hoàng Đức Nhã để duyệt xét từng điểm trong đề nghị của Kissinger. Sau khi thảo luận, những nguyên tắc chỉ đạo sau đây về thương thuyết tại hòa đàm Paris được thiết lập:

- "Diễn đàn" giữa Washington và Hà Nội không có thẩm quyền "giải quyết" các vấn đề giữa Chính phủ VNCH và MTGPMN, như Kissinger đề nghị.
- Hà Nội không có quyền can thiệp vào các vấn đề chính trị của VNCH. Hiệp Định Genève 1954 công nhận VN bị chia thành 2 nước phân cách bởi Vùng Phi Quân Sự. Trong khi chờ đợi thống nhứt, Chính phủ VNCH không có ý định thương thuyết để thay đổi chế độ chính trị của Miền Bắc. Ngược lại, Hà Nội cũng không thể đòi hỏi một sự thay đổi chế độ chính trị ở Miền Nam.
- Hiến Pháp của VNCH, đã được thông qua bởi Quốc Hội dân cử của nhân dân Miền Nam, phải được tôn trọng như Tổng Thiệu đã tuyên thệ bảo vệ nó.
- Một cuộc trưng cầu dân ý có thể được tổ chức theo đúng Hiến Pháp. Việc tổ chức trưng cầu dân ý có thể do ỦBHGDT thực hiện, thay vì do Tối Cao Pháp Viện như đòi hỏi của Hiến Pháp, để có thể bảo đảm sự công bằng. Nhưng sau cuộc trưng cầu dân ý, UBHGDT phải được giải tán, chứ không được tiếp tục ở lại để sửa đổi Hiến Pháp. Chính phủ VNCH, sau cuộc trưng cầu dân ý, có thể chấp nhận sự tham gia Chính phủ của các thành viên MTGPMN theo tỷ lệ phiếu của họ, với điều kiện họ phải công nhận Hiến Pháp.
- Nếu Tổng Thống Thiệu chấp nhận từ chức trước khi bầu cử để bảo đảm cuộc bầu cử được công bằng thì Phó Tổng Thống Trần Văn Hương không có lý do gì cũng phải từ chức vì làm như thế là xóa bỏ ngành Hành Pháp của chính phủ VNCH.

Lập trường của VNCH về Hòa Đàm Paris, dựa trên các nguyên tắc chỉ đạo vừa kể trên, đã được trình bày trong một văn thư giao cho Đại sứ Bunker vào ngày 28-8-1972 để kịp chuyển giao cho Tổng Thống Nixon và Kissinger tại phiên họp của họ tại Honolulu, Hawaii vào ngày 30-8-1972.[12] Kissinger, do đó, không thể bảo là không biết rõ lập trường của VNCH về Hòa Đàm Paris. Trong cuốn hồi ký của ông, Kissinger

ghi lại như sau: ***"I left Saigon with a false sense of having reached a meeting of the minds. Thieu and I had decided that we would settle the few remaining disagreements over our draft proposal by exchanging messages through Bunker. There were plenty of time – nearly four weeks until my next meeting on September 15. Instead, Thieu enveloped himself in silence; we heard absolutely nothing from the Palace."*** [13] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Tôi rời Sài Gòn với một cảm giác sai lầm là đã có sự đồng ý với nhau. Ông Thiệu và tôi đã quyết định rằng chúng tôi sẽ giải quyết một vài bất đồng còn lại về dự thảo đề nghị của chúng tôi bằng cách trao đổi thông điệp cho nhau qua ông Bunker. Thời gian còn nhiều – gần 4 tuần lễ trước khi tôi có phiên họp sắp tới vào ngày 15 tháng 9. Thay vì như vậy, ông Thiệu hoàn toàn im lặng; chúng tôi tuyệt đối không nhận được tin tức gì cả từ Dinh Độc Lập").* Lời tường thuật trong hồi ký này là một lời nói láo trắng trợn (cũng như những lời nói láo khác của Kissinger, như sau này chúng ta đã biết được qua những tài liệu đã giải mật của Chính phủ Hoa Kỳ) vì làm sao Đại sứ Bunker có thể không chuyển giao văn thư ngày 28-8-1972 của Chính phủ VNCH cho Tổng Thống Nixon và ông Kissinger tại cuộc họp ở Honolulu, Hawaii, vào ngày 30-8-1972 được. Sau đây là một bằng chứng không chối cãi được là Hoa Kỳ có nhận được văn thư ngày 28-8 về lập trường hòa đàm của Chính phủ VNCH. Trong cuốn hồi ký của mình, ông Nguyễn Phú Đức đã có ghi rõ như sau về cuộc họp với Tướng Alexander Haig, phụ tá của Kissinger vào ngày 2-10-1972 tại Sài Gòn: ***"PRESIDENT THIEU: The GVN has put down its views in its memo of August 28. Has the US transmitted these views to the North Vietnamese? HAIG: If we presented these views, this would break up the talks, and this would endanger our long-range possibility to support you."*** [14] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"TỔNG THỐNG THIỆU: Chính phủ VNCH đã trình bày quan điểm của mình trong văn thư ngày 28 tháng 8. Hoa Kỳ có thông báo các quan điểm đó cho Bắc Việt hay không? HAIG: Nếu chúng tôi trình bày các quan điểm đó thì điều đó sẽ phá vỡ hòa đàm và gây nguy hại cho khả năng ủng hộ các ông về lâu về dài").* Như vậy, trên thực tế, rõ ràng là Kissinger đã lờ đi, bỏ qua hoàn toàn văn thư ngày 28-8-1972 của Chính phủ VNCH, và vẫn tiếp tục thảo luận với Lê Đức Thọ trên căn bản những đề nghị của ông. Đúng như Tổng Thống Nixon đã nhận định về trạng thái tâm thần của Kissinger trong hồi ký của ông như sau: ***"… obsessed with the idea that there should be a negotiated settlement."*** [15] (xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"… bị ám ảnh với ý nghĩ là **phải** ký cho được thỏa hiệp")*, Kissinger thật sự mong muốn, và sẵn sàng trả mọi giá, để ký kết cho được với Bắc Việt trước ngày bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ vào đầu tháng 11-1972. Và quả thật ông đã đạt được thỏa hiệp với Bắc Việt trong phiên họp ngày 17-10-1972. Ông lập tức thông báo cho Tổng Thống Nixon thời khóa biểu hoạt động của ông trong thời gian còn lại của tháng 10-1972 như sau:[16]

- Sau ngày 17-10, sang Sài Gòn 3 ngày để trình bày về thỏa hiệp với Bắc Việt và đạt sự đồng thuận của Chính phủ VNCH
- Ngày 22-10 đến Hà Nội để ký tắt Hiệp Định với Bắc Việt
- Trở về Washington để tuyên bố Thông Cáo Chung về Hiệp Định vào ngày 26-10
- Lệnh ngưng bắn sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày 30-10 khi Ngoại

Trưởng của các bên cùng ký tên vào Hiệp Định tại Paris

Như vậy, trên thực tế, Kissinger tin rằng, với việc sắp đặt của ông, mọi việc đã xong, VNCH sẽ dễ dàng đồng ý và chấp nhận bản Hiệp Định mà ông đã đạt được với Bắc Việt tại Paris vì ông tin rằng đó là thỏa hiệp tốt nhứt mà VNCH có thể đạt được. Nó gồm những điều khoản chính như sau:

- Một cuộc ngưng bắn tại chỗ
- Hoa Kỳ rút hết quân sau 60 ngày
- Bắc Việt đồng ý không xâm nhập thêm quân vào Miền Nam
- Trao trả tù binh của cả hai phía
- Bắc Việt không đòi hỏi một chính phủ liên hiệp nữa; thay vào đó là một HĐHGDT gồm 3 thành phần để tổ chức bầu cử
- Bắc Việt không đòi hỏi Tổng Thống Thiệu phải từ chức nữa

Ông đến Sài Gòn với tinh thần lạc quan đó. Nhưng mọi việc đã diễn ra không phải như ông mong đợi. Hai phái đoàn Hoa Kỳ và VNCH bắt đầu họp từ ngày 19-10-1972. Việc đầu tiên Kissinger làm là trình cho Tổng Thống Thiệu lá thư riêng của Tổng Thống Nixon viết cho ông, với nội dung chính là khuyên Tổng Thống Thiệu chấp nhận bản thỏa hiệp, trong đó có câu sau đây: ***"I believe we have no reasonable alternative but to accept this agreement."*** [17] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *Tôi tin rằng chúng ta không có giải pháp nào hợp lý hơn là chấp nhận bản thỏa hiệp này").* Ông Thiệu đọc xong không bình luận gì cả và bắt đầu phiên họp ngay.

Phía Hoa Kỳ gồm có: Cố Vấn Kissinger, Đại sứ Bunker và phụ tá là ông Charles Whitehouse, ông William Sullivan của Bộ Ngoại Giao, ông Winston Lord của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia và thông dịch viên David Engel. Phía VNCH gồm có: Tổng Thống Thiệu, Phó Tổng Thống Trần Văn Hương, Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, Ngoại Trưởng Trần Văn Lắm, Phụ Tá Đặc Biệt Nguyễn Phú Đức, ông Trần Kim Phượng, Đại sứ VNCH tại Hoa Kỳ, ông Phạm Đăng Lâm, Trưởng Phái Đoàn VNCH tại Hòa Đàm Paris, và ông Hoàng Đức Nhã với tư cách thông dịch viên. Sau khi nghe ông Kissinger trình bày về thỏa hiệp, phía VNCH đã đặt một số câu hỏi. Cuối phiên họp Tổng Thống Thiệu bảo ông Kissinger là phía VN cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng bản thỏa hiệp. Sáng ngày 21-10-1972, phía VNCH yêu cầu phía Hoa Kỳ sửa lại bản thỏa hiệp tất cả 23 chỗ trong văn bản. Một phiên họp tại Dinh Độc Lập để thảo luận về 23 điểm này được ấn định vào lúc 2 giờ chiều. Sau đó phiên họp được phía VNCH dời lại đến 5 giờ chiều mà không cho biết lý do. Đến 5 giờ cũng không thấy động tịnh gì về phía VNCH cả. Đại sứ Bunker gọi điện thoại vào Dinh Độc Lập thì được báo cho biết là Tổng Thống Thiệu đang bận họp Hội Đồng Nội Các. Nửa tiếng đồng hồ sau, ông Hoàng Đức Nhã gọi điện thoại đến báo cho phái đoàn Mỹ biết buổi họp đã được dời lại 8 giờ sáng hôm sau và sau đó cúp máy, không một lời giải thích. Ngày hôm sau, Chúa Nhựt, 22-10-1972, lúc 8 giờ sáng, trong phiên họp chỉ có 4 người, Tổng Thống Thiệu và ông Hoàng Đức Nhã một bên, và Kissinger và Đại sứ Bunker một bên, Tổng Thống Thiệu cho biết ông không đồng ý rất nhiều điểm trong thỏa hiệp, nhưng quan trọng nhứt là 2 chuyện sau đây: 1) Bắc Việt không rút quân; và 2) Thành phần và hoạt động của HĐHGDT. Ông cũng cho

biết ông cần tham khảo Quốc Hội và chờ đợi báo cáo của các cố vấn của ông về phản ứng của Hoa kỳ đối với 23 điểm mà phía VNCH đã đề nghị sửa lại. Và hẹn gặp lại Kissinger vào 5 giờ chiều để trả lời dứt khoát về bản thỏa hiệp. Tại buổi họp lúc 5 giờ chiều, với thành phần giống như vào buổi sáng, Tổng Thống Thiệu, nói bằng tiếng Việt và ông Hoàng Đức Nhã dịch sang tiếng Anh, ***dứt khoát từ chối không ký thỏa hiệp***. Trong hồi ký của mình, Kissinger ghi lại là trong lúc trình bày, cả hai ông Thiệu và ông Nhã có lúc bật khóc.[18] Mặc dù thất bại hoàn toàn trong việc thuyết phục Tổng Thống Thiệu, Kissinger vẫn giữ dự định ra Hà Nội để ký tắt thỏa hiệp với Bắc Việt, nhưng Tổng Thống Nixon không đồng ý [19] và ra lệnh cho ông phải quay về Mỹ ngay. Kissinger trở về Hoa Kỳ ngày 23-10-1972. Trước khi rời Sài Gòn, Kissinger đã đến Dinh Độc Lập gặp Tổng Thống một lần chót vào buổi sáng. Phiên họp này diễn ra nhẹ nhàng hơn rất nhiều, nhưng Tổng Thống Thiệu vẫn khẳng định 3 điều: 1) Bắc Việt phải rút quân; 2) Khu Phi Quân Sự phải được tôn trọng; và 3) Thành phần của HĐHGDT phải được quyết định dựa trên kết quả của một cuộc trưng cầu dân ý. Kissinger hứa sẽ cố gắng thương thuyết trở lại với Bắc Việt những điểm này. Chiều hôm đó Tổng Thống Thiệu ra trước lưỡng viện Quốc Hội, đọc một bài diễn văn (có trực tiếp truyền hình cho cả nước), trình bày mọi việc và được Quốc Hội hoan hô và ủng hộ rất mạnh. Phụ Tá Đặc Biệt Nguyễn Phú Đức đề nghị và Tổng Thống Thiệu đồng ý thực hiện: cử các cố vấn của ông đi trình bày và giải thích quyết định của Chính phủ VNCH cho các nước bạn và đồng minh trong vùng để tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của họ đối với lập trường của VNCH về vấn đề hòa đàm. Phụ Tá Nguyễn Phú Đức đi các nước Cam Bốt, Lào, Thái Lan, và Indonêxia. Đại sứ Trần Kim Phượng đi các nước Singapore, Mã Lai Á, Úc, và Tân Tây Lan. Đại sứ Phạm Đăng Lâm đi các nước Phi Luật Tân, Đại Hàn, và Nhật Bản.[20]

Về phía Bắc Việt, tức giận vì Kissinger không ra Hà Nội để ký kết thỏa hiệp như hai bên đã thỏa thuận, vào ngày 25-10-1972, đã đơn phương công bố toàn bộ bản thỏa hiệp mà hai bên đã đồng ý trước khi Kissinger đến Sài Gòn, nhằm gây bối rối và mất mặt cho Hoa Kỳ. Kissinger phải họp báo ngay ngày hôm sau, 26-10-1972, để trả lời cho Hà Nội là phía Hoa Kỳ vẫn tôn trọng bản thỏa hiệp đã ký kết, và trong dịp này, ông đã phát biểu cái câu nổi tiếng là ***"Peace is at hand."*** (*Hòa bình trong tầm tay)*. Ông cũng đề nghị hai bên trở lại bàn hội nghị để thảo luận những đề nghị sửa đổi của VNCH. Ngày 4-11-1972, 3 ngày trước ngày bầu cử tổng thống của Hoa Kỳ, Bắc Việt đồng ý sẽ trở lại bàn hội nghị vào ngày 14-11-1972.

Ngày 7-11-1972, Tổng Thống Nixon đã tái đắc cử nhiệm kỳ 2 với một đa số rất lớn (theo ngữ vựng chính trị của Hoa Kỳ, đây là một ***landslide victory*** ; phiếu dân bầu (popular vote): Nixon được 47.168.710 phiếu (60.7%), McGovern được 29.173.222 (37.5%); phiếu cử tri đoàn (electoral vote): Nixon được 520 phiếu, McGovern chỉ được 17 phiếu, vì Nixon thắng tại tất cả 49 tiểu bang, McGovern chỉ thắng ở 1 tiểu bang duy nhứt là Massachusetts, thành trì của phe phản chiến chủ hòa, và tại District of Columbia--DC tức là thủ đô, nơi đa số là dân da đen [21]), đánh bại một cách rõ ràng ứng cử viên George McGovern của Đảng Dân Chủ chủ trương hòa bình bằng mọi giá và chấm dứt viện trợ quân sự và kinh tế cho VNCH. Kết quả bầu cử cho thấy Tổng Thống Nixon đã nhận định rất đúng là việc ký kết thỏa hiệp với Bắc Việt ***trước*** cuộc

bầu cử là hoàn toàn không cần thiết như sự tin tưởng của Kissinger, và dân chúng Hoa Kỳ không đồng ý hòa bình bằng mọi giá và bỏ rơi VNCH. Tuy nhiên, việc thắng cử vẻ vang của cá nhân ông Nixon vẫn không giúp Đảng Cộng Hòa chiếm được đa số tại Quốc Hội (Hạ Viện: Dân Chủ 242, Cộng Hòa 192; Thượng Viện: Dân Chủ 56, Cộng Hòa 42). Chính vì đảng đối lập Dân Chủ vẫn còn nắm được đa số tại Quốc Hội, Tổng Thống Nixon nghĩ rằng cần phải ký thỏa hiệp với Bắc Việt càng sớm càng tốt.

Ngày hôm sau, 8-11-1972, Bắc Việt yêu cầu dời ngày họp lại đến ngày 20-11-1972 với lý do là Lê Đức Thọ bị bịnh. Ngày hôm sau, 9-11-1972, Hoa Kỳ đồng ý, và việc hòa đàm tại Paris tiếp tục trở lại vào ngày 20-11-1972.

Để chuẩn bị cho phiên họp ngày 20-11 này, Tướng Haig lại được cử sang Sài Gòn. Ngày 10-11, mở đầu phiên họp ở Đinh Độc Lập, Tướng Haig trình Tổng Thống Thiệu một văn thư đề ngày 8-11 của Tổng Thống Nixon gửi cho ông. Bức thư dài 4 trang hứa hẹn sẽ điều chỉnh lại bản thỏa hiệp theo những đòi hỏi của VNCH nhằm thuyết phục Tổng Thống Thiệu chấp nhận bản thỏa hiệp, đồng thời cũng hàm ý đe dọa nếu Tổng Thống Thiệu tiếp tục chống đối. Ở trang 3 của bức thư có đoạn ghi khá rõ như sau: ***"The other alternative would be for you to pursue what appears to be your present course. In my view this would play into the hands of the enemy and would have extremely grave consequences for both our peoples and it would be disaster for yours."*** [22] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Giải pháp kia sẽ là việc Ngài tiếp tục đường lối hiện nay của Ngài. Theo cách nhận định của tôi làm như vậy là rơi vào bẫy của kẻ thù và sẽ mang lại những hậu quả vô cùng nghiêm trọng cho cả hai dân tộc chúng ta, và đó sẽ là tai họa cho dân tộc của Ngài").* Sau khi Tổng Thống Thiệu đọc xong văn thư này, Tướng Haig trình bày ngay thời khóa biểu của phái đoàn Hoa Kỳ tại hòa đàm như sau:

- Từ ngày 20 đến cuối tháng 11, hội đàm giữa Kissinger và Lê Đức Thọ tại Paris
- Ngày 1 và 2 tháng 12 Kissinger sẽ đến Sài Gòn để làm việc với Chính phủ VNCH
- Ngày 3-12 Kissinger sẽ ra Hà Nội để ký tắt thỏa hiệp
- Ngưng bắn sẽ có hiệu lực từ ngày 10-12
- Thỏa hiệp sẽ được Ngoại Trưởng các nước chính thức ký kết tại Paris ngày 13-12

Và nói thêm như sau: ***"If you go your separate way, we can manage the difficulty, but for you it will be fatal."*** [23] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Nếu quý vị không đi cùng chúng tôi, chúng tôi sẽ có cách giải quyết chuyện khó khăn đó, nhưng đối với quý vị thì đó là con đường chết của quý vị").*

Như vậy, tình hình hòa đàm vẫn y như cũ, đâu có khác gì nhiều lắm, so với tình hình đã xảy ra trong tháng 10 vừa qua. Hoa Kỳ đã quyết định sẽ ký kết thỏa hiệp rồi, ngay trước khi hòa đàm tiếp tục lại. Những hứa hẹn sẽ tìm cách thay đổi bản dự thảo thỏa hiệp theo những yêu cầu của phía VNCH chỉ là những lời hứa mà chính Hoa Kỳ

cũng không tin tưởng sẽ đạt được. Hơn ai hết, Tổng Thống Thiệu đã thấy rõ việc này, nhưng ông nghĩ cứ còn nước còn tát, và vì hoàn toàn không còn có thể tin cậy được Kissinger nữa, ông quyết định cử Phụ Tá Đặc Biệt Nguyễn Phú Đức thay mặt ông điều đình trực tiếp với Tổng Thống Nixon. Đây là một bước đi có tính toán và tình cờ lại rất đúng lúc của Tổng Thống Thiệu. Đúng lúc vì vào lúc bấy giờ mối quan hệ mật thiết giữa Tổng Thống Nixon và Cố Vấn Kissinger đã bắt đầu có sự rạn nứt. Trước đây Nixon gần như khoán trắng cho Kissinger trong vụ Hòa Đàm Paris, mặc dù có những vụ việc ông không đồng ý với Kissinger nhưng ông vẫn lờ đi, không nói ra, ví dụ như ông nhận định là không cần thiết phải ký kết thỏa hiệp với Bắc Việt trước ngày bầu cử (7-11) như Kissinger tin tưởng. Nhưng rồi ông nhận thấy Kissinger bắt đầu đi quá đà khi Kissinger trả lời nữ phóng viên Ý Oriana Fallaci trong một cuộc phỏng vấn như sau: ***"Americans like the cowboy … who rides all alone into the town, the village, with his horse and nothing else … This amazing, romantic character suits me precisely because to be alone has always been part of my style or, if you like, my technique."*** [24] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Người Mỹ thích chàng cao bồi … một mình cỡi ngựa vào thị trấn, vào làng, chỉ với con ngựa của mình mà thôi … Cái nhân vật lạ lùng, lãng mạn đó thích hợp với tôi chính vì hành động đơn độc bao giờ cũng là cách làm của tôi, hay nếu cô thích, là phương pháp của tôi").* Kiểu nói này hàm ý Kissinger mới chính thật là nhân vật trung tâm của mọi việc chứ không phải Tổng Thống Nixon. Nixon cảm thấy bị xúc phạm nặng nề. Ngày 19-11, khi Kissinger lên đường đi Paris để mật đàm với Lê Đức Thọ, Nixon không đưa tiễn mà chỉ gọi điện thoại từ văn phòng ông. Khi Tổng Thống Thiệu ngỏ ý muốn cử Phụ Tá Nguyễn Phú Đức sang gặp ông, ông nhận lời ngay. Ông Đức đến Paris trước để gặp phái đoàn VNCH cũng như phái đoàn Mỹ để nắm tình hình đàm phán. Trong thời gian ông đang ở Paris, Tổng Thống Thiệu cử Hoàng Đức Nhã đích thân mang một thư rất dài sang cho ông Đức với những chỉ thị mới. Sau khi được dịch sang Anh ngữ, bức thư dài đến 24 trang. Ngày 28-11-1972, ông Đức rời Paris lên đường đi Washington. Trong thời gian này, Kissinger đã có thêm 2 buổi họp với Lê Đức Thọ vào ngày 20-11 và 25-11 nhưng đều không có tiến triển vì Bắc Việt bác bỏ tất cả những đòi hỏi thay đổi quan trọng trong bản dự thảo thỏa hiệp của VNCH. Nixon ra lệnh cho Kissinger trở về Mỹ.

Ngày 29-11-1972, ông Đức cùng với Đại sứ Trần Kim Phượng được Tổng Thống Nixon tiếp kiến tại Tòa Bạch Ốc, trong Phòng Bầu Dục (Oval Office), có sự hiện diện của Kissinger và Tướng Haig. Cố Vấn Đức trình lên Tổng Thống Nixon bức thư dài 24 trang của Tổng Thống Thiệu, và sau đó giải thích từng điểm trong bức thư, đặc biệt chú trọng vào 2 điểm chính: 1) Việc đòi hỏi Bắc Việt phải rút quân, và 2) Vấn đề HĐHGDT và thành phần cấu tạo của HĐ. Tổng Thống Nixon có vẻ đồng tình và ông chỉ thị ngay cho Kissinger phải tìm mọi cách cải thiện bản dự thảo thỏa hiệp về 2 điểm đó. Sau đó, ông nói rõ quan điểm của ông về thỏa hiệp như sau: ***"The agreement is just a piece of paper. What counts is our determination to support you."*** [25] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Thỏa hiệp chỉ là một mảnh giấy mà thôi. Điều quan trọng là sự quyết tâm của chúng tôi trong việc hỗ trợ các ông").* Và ông nói rõ những cam kết của ông như sau:

- Viện trợ quân sự và kinh tế cho VNCH sau khi ký thỏa hiệp

- Không Quân Hoa Kỳ đóng tại Thái Lan và trên các hàng không mẫu hạm sẽ oanh tạc trở lại nếu tình báo Hoa Kỳ phát hiện phe Cộng sản vi phạm thỏa hiệp
- Giữ vững lập trường ủng hộ Tổng Thống Thiệu
- Hoa Kỳ đã có những thỏa thuận với Liên Xô và Bắc Kinh về các giới hạn viện trợ cho Bắc Việt

Ngày hôm sau, 30-11-1972, trong phiên họp với Cố Vấn Nguyễn Phú Đức, khi được ông Đức hỏi về vấn đề Bắc Việt rút quân thì Kissinger nói thẳng là không thể nào có được điều đó trong bản thỏa hiệp.[26] Trước tình hình gần như bế tắc này, Phụ Tá Đức đã đề nghị với Kissinger là Hoa Kỳ có thể ký kết riêng rẽ với Bắc Việt để rút quân và mang tù binh về. VNCH cam kết sẽ thả 10.000 tù binh Cộng sản để đánh đổi cho việc Bắc Việt chịu thả tất cả tù binh Mỹ. Sau đó VNCH sẽ tiếp tục đàm phán với Bắc Việt và MTGPMN về những vấn đề chính trị của Miền Nam. Kissinger báo cáo lại đề nghị này của ông Đức và Tổng Thống Nixon lại có thêm một phiên họp nữa với Phụ Tá Đức trong cùng ngày. Sau khi nghe ông Đức trình bày về đề nghị này, Tổng Thống Nixon cho biết là ông đã tham khảo các Dân Biểu và Thượng Nghị Sĩ, thuộc phe diều hâu (tức là những người ủng hộ VNCH), thành viên của hai Ủy Ban Quân Vụ (Armed Forces Committee) của cả Thượng Viện và Hạ Viện, và tất cả đã đồng thanh chấp thuận bản thỏa hiệp rồi. Nếu VNCH không cùng ký kết với Hoa Kỳ thì Quốc Hội sẽ chấm dứt mọi viện trợ. Ông nói rõ như sau: ***"I hope that we shall go forward together, then you will have economic and military assistance. Please convey this to President Thieu, what counts is U.S. alliance. I can make that commitment."*** [27] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Tôi hy vọng chúng ta sẽ cùng đi với nhau, như vậy các ông sẽ có được viện trợ kinh tế và quân sự. Xin ông trình lại với Tổng Thống Thiệu điều này: chuyện quan trọng là liên minh của Hoa Kỳ. Tôi có thể cam kết điều đó").* Sau đó Tổng Thống Nixon yêu cầu Phụ Tá Đức cho Kissinger biết những điều ưu tiên mà VNCH muốn Hoa Kỳ thảo luận với Bắc Việt tại các buổi họp trong đợt hòa đàm kế tiếp. Ông Đức cho biết ngoài vấn đề rút quân của Bắc Việt, VNCH chống lại việc xem như có hai chính phủ tại Miền Nam, và, do đó, không chấp nhận việc sử dụng danh xưng Chánh phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam (CPCMLTCHMNVN) thay cho Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc, và VNCH cũng chống lại việc HĐHGDT gồm có 3 thành phần ngang nhau. Ngày hôm sau, 1-12-1972, ông Đức làm việc với Kissinger về những vấn đề chi tiết và cụ thể của thỏa hiệp, như vấn đề ngưng bắn tại chỗ, vấn đề Lào và Campuchia, vv. Ngày 2-12-1972, Phụ Tá Đức rời Washington về Sài Gòn.

Ngày 3-12-1972, trong phiên họp của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia (HĐANQG) tại Dinh Độc Lập dưới sự chủ tọa của Tổng Thống Thiệu, Phụ Tá Đức phúc trình lại mọi diễn tiến trong các phiên họp tại Washington của ông với Tổng Thống Nixon và Cố Vấn Kissinger. Cuối phiên họp, khi được Tổng Thống Thiệu hỏi ý kiến cá nhân của ông, ông trả lời ngay là nếu ký thỏa hiệp, với các điều khoản ngay lúc đó, thì Miền Nam sẽ mất. Trong cuốn hồi ký, ông ghi như sau: ***"President Thieu asked me this basic question: Do you think that we should sign this Agreement? I replied: In my judgment, if we sign the Agreement, as it is, South Vietnam will be lost."*** [28] (Xin tam dịch sang

Việt ngữ như sau: *"Tổng Thống Thiệu hỏi tôi câu hỏi căn bản: Anh nghĩ chúng ta có nên ký Thỏa hiệp này hay không? Tôi trả lời: Theo nhận định của tôi, nếu chúng ta ký Thỏa hiệp này, như trong tình trạng hiện nay, Miền Nam sẽ mất").* Tổng Thống Thiệu và toàn thể HĐANQG cùng đồng ý với quan điểm này.

Trong thời gian này Hoa Kỳ và Bắc Việt trở lại bàn hội nghị từ ngày 4-12-1972 nhưng hội nghị không có tiến triển gì cả vì Bắc Việt bác bỏ tất cả những đòi hỏi thay đổi bản thỏa hiệp của Kissinger dựa trên các yêu cầu của VNCH. Ngày 17-12-1972, Tổng Thống Nixon ra lệnh tái phong tỏa hải cảng Hải Phòng và tái oanh tạc Bắc Việt, và, đặc biệt trong lần này, lần đầu tiên trong chiến tranh Việt Nam, Hoa kỳ cho phi cơ B-52 trải thảm Hà Nội. Chiến dịch này được đặt tên là Linebacker II, thực hiện trong thời gian từ 18 đến 29 tháng 12 năm 1972, thường được báo chí và sách vở Mỹ gọi là ***"The Christmas Bombing"*** *(Chiến Dịch Oanh Tạc Mùa Giáng Sinh).*

Ngày 19-12-1972, Tổng Thống Nixon cử Tướng Haig sang Sài Gòn, mang theo một bức thư của ông đề ngày 17-12-1972 gửi Tổng Thống Thiệu với lời lẻ vô cùng cứng rắn, gần như là một tối-hậu-thư. Trong hồi ký của ông, Tổng Thống Nixon ghi rõ như sau: ***"Haig arrived in Saigon on December 19, carring the strongest letter I had yet written to Thieu. In it I stated: "General Haig's mission now represents my final effort to point out to you the necessity for joint action and to convey my irrevocable intention to proceed, preferably with your cooperation but, if necessary, alone… I have asked General Haig to obtain your answer to this absolutely final offer on my part for us to work together in seeking a settlement along the lines I have approved or to go our separate ways.""*** [29] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Haig đến Sài Gòn ngày 19-12, mang theo bức thư với lời lẽ mạnh mẽ nhứt mà tôi từng viết cho ông Thiệu. Trong đó tôi nói rõ: "Sứ mệnh của Tướng Haig lần này thể hiện cố gắng cuối cùng của tôi để nói rõ với Ngài sự cần thiết phải hành động chung và thông báo cho Ngài cái ý định không thể đảo ngược của tôi là tôi sẽ tiến tới thỏa hiệp, tốt nhứt là với sự hợp tác của ngài, nhưng, nếu cần thiết, thì tôi sẽ tiến hành một mình. Tôi đã chỉ thị cho Tướng Haig phải nhận được sự trả lời của Ngài về đề nghị tuyệt đối cuối cùng này của tôi nhắm tới hoặc là mình cùng cộng tác để mưu tìm một sự thỏa hiệp dựa trên những đường lối mà tôi đã chấp nhận hoặc là đường ai nấy đi").* Trước tình hình nghiêm trọng do bức "tối hậu thư" này tạo ra, Tổng Thống Thiệu triệu tập ngay một phiên họp của HĐANQG, lần này được mở rộng với sự tham gia của các vị đứng đầu của cả hai ngành Lập Pháp và Tư Pháp: đó là các ông Nguyễn Văn Huyền, Chủ Tịch Thượng Viên, ông Nguyễn Bá Cẩn, Chủ Tịch Hạ Viện, và Thẩm Phán Trần Văn Linh, Chủ Tịch Tối Cao Pháp Viện.[30]

Mặc dù văn thư của Tổng Thống Nixon mang tính cách gần như là một tối-hậu-thư, Tổng Thống Thiệu không tin là Nixon có thể tiến hành ký kết riêng rẽ với Bắc Việt nên, sau buổi họp của HĐANQG, ông vẫn yêu cầu Phụ Tá Đức soạn văn thư đề ngày 20-12-1972 trả lời thư ngày 17-12-1972 của Tổng Thống Nixon. Văn thư này mở đầu bằng tóm lược lại 3 đòi hỏi căn bản của VNCH về: 1) Việc Bắc Việt phải rút quân, 2) Không công nhận cái gọi là CPCMLTCHMNVN, và 3) Thành phần và nhiệm vụ của HĐHGDT cho thấy HĐHGDT chỉ là một chính phủ liên hiệp trá hình. Sau đó, văn

thư đề nghị VNCH sẵn sàng chấp nhận bản thỏa hiệp của ngày 12-12-1972 nếu 2 yêu cầu sau đây được giải qujyết: 1) Không được xem CPCMLTCHMNVN như một chính quyền song song với Chính phủ VNCH tại Miền Nam, và 2) Bắc Việt phải rút hết quân về trong cùng thời gian với quân các nước đồng minh của VNCH. Sau cùng, bức thư kết luận: ***"I must say the South Vietnamese Government and people absolutely cannot go beyond these new important concessions, because otherwise it would be tantamount to surrender."*** [31] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Tôi phải nói rằng Chính phủ và nhân dân Miền Nam tuyệt đối không thể đi xa hơn những nhượng bộ mới và quan trọng này, vì làm khác đi thì coi như là đầu hàng").*

Trong thời gian này, Chiến dịch Linebacker II, tuy có gây thiệt hại bất ngờ cho Hoa Kỳ là có tất cả 15 phi cơ B-52 bị bắn rơi, một điều chưa bao giờ xảy ra cho không lực Hoa Kỳ, đã gây tổn thất rất nghiêm trọng cho Bắc Việt, cả về phương diện cơ sở vật chất và về phương diện tinh thần đối với dân chúng thủ đô Hà Nội. Trong một thời gian rất ngắn, chỉ có 11 ngày (trừ 1 ngày duy nhứt là ngày Lễ Giáng Sinh, 25-12-1972), Hoa Kỳ đã thực hiện 741 phi vụ B-52 và 1.274 phi vụ của các chiến đấu cơ thuộc Không Quân và Hải Quân để yểm trợ cho B-52 (kể cả phi cơ F-111 là loại tối tân nhứt tại thời điểm này), và đã ném một số lượng bom lên đến 20.237 tấn,[32] gây kinh hoàng cho dân chúng thủ đô Hà Nội. Về phía Bắc Việt, lực lượng phòng không đã bắn trên 1.000 hỏa tiễn SAM (**S**urface-to-**A**ir **M**issiles = hỏa tiễn địa-không) nhờ vậy đã hạ được một số lượng đáng kể phi cơ B-52 vốn bay ở không độ rất cao (nhờ vậy trong bao nhiêu năm thực hiện các phi vụ oanh tạc chiến thuật ở Miền Nam –và gây kinh hoàng cho bộ đội Bắc Việt và Việt Cộng-- chưa bao giờ có một B-52 nào bị bắn rơi cả). Ngày 28-12-1972, Bắc Việt đồng ý sẽ tiếp tục hòa đàm trở lại vào hai ngày 2-1 và 8-1-1973. Vào lúc 7 giờ tối ngày 29-12-1972, Chiến dịch Linebacker II chính thức chấm dứt.

Ngày 2-1-1973, một ngày trước khi Quốc Hội Hoa Kỳ tái nhóm, các Dân Biểu thuộc khối Dân Chủ (Hạ Viện) biểu quyết với tỷ số 154/75 đồng ý sẽ cắt hết viện trợ quân sự cho Việt Nam ngay sau khi đạt được thỏa hiệp rút quân và mang tù binh Mỹ về. Ngày 4-1-1973, một ngày sau khi Quốc Hội tái nhóm, Thượng Nghị SĨ Edward Kennedy đề nghị một nghị quyết tương tự cho khối Dân Chủ tại Thượng Viện và nghị quyết được thông qua với tỷ số 36/12. Trước tình hình như vậy, cả Tổng Thống Nixon và Cố Vấn Kissinger đều thấy cần phải tiến hành ký kết thỏa hiệp với Bắc Việt ngay trước khi việc ủng hộ VNCH tại Quốc Hội tan thành mây khói.

Nhằm chuẩn bị cho việc tái nhóm của Hòa đàm Paris vào ngày 8-1-1973, ngày 5-1-1973, Nixon lại gửi thêm một thư nữa cho Tổng Thống Thiệu với lời hứa sẽ đặt lại vấn đề rút quân của Bắc Việt nhưng ông tin là Bắc Việt cũng sẽ lại bác bỏ nữa, và ông cũng hứa là, nếu VNCH đồng ý ký kết thỏa hiệp thì sau này nếu Bắc Việt vi phạm thỏa hiệp, ông sẽ trả đũa quyết liệt với tất cả sức mạnh quân sự của Hoa Kỳ. Nguyên văn Anh ngữ trong văn thư như sau: ***"With respect to the question of North Vietnamese troops, we will again present your views to the Communists as we have done vigorously at every other opportunity in the negotiations. The result is certain to be once more the rejection of our position… Should you decide, as I trust you will, to go with us, you have my assurance of continued assistance in the post-settlement period and that we will respond with full force should the***

settlement be violated by North Vietnam." [33] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Về vấn đề quân Bắc Việt, chúng tôi sẽ lại trình bày quan điểm của Ngài cho phe Cộng Sản như chúng tôi đã từng làm một cách mạnh mẽ mỗi khi có cơ hội tại hòa đàm. Kết quả chắc chắn là họ sẽ lại bác bỏ lập trường này của chúng ta nữa… Nếu như Ngài quyết định, như tôi tin là Ngài sẽ làm, đi cùng chúng tôi, Ngài sẽ có được sự bảo đảm của tôi về vấn đề tiiếp tục viện trợ sau khi ký kết, và, nếu Bắc Việt vi phạm ký kết này, chúng tôi sẽ trả đũa với tất cả sức mạnh").* Nhận được thư này, Tổng Thống Thiệu trả lời ngay bằng văn thư đề ngày 7-1-1973, giữ nguyên lập trường của mình trong văn thư ngày 20-12-1972, và nhấn mạnh rằng những điều kiện đó là những vấn đề sống chết của Miền Nam.

Ngày 8-1-1973, Hòa đàm Paris tái nhóm. Ngày đầu tiên không có kết quả gì cả. Ngày thứ nhì, 9-1-1973, hai bên đồng ý sử dụng bản dự thảo của ngày 23-12-1972 làm căn bản để thảo luận thêm một số chi tiết. Vấn đề rút quân của Bắc Việt hoàn toàn bị loại bỏ, không được đề cập đến nữa. Chỉ có 2 vấn đề chính sau đây được thảo luận và đi tới đồng thuận: 1) vấn đề Vùng Phi Quân Sự hai bên vĩ tuyến thứ 17 (VPQS, DMZ = Demilitarized Zone); và 2) vấn đề CPCMLTCHMNVN. Về vấn đề VPQS, Bắc Việt đồng ý chấp nhận công thức mà Kissinger đã đề nghị vào tháng 12-1972: hai miền Nam Bắc tiếp tục tôn trọng VPQS nhưng sẽ tiến hành thương thuyết về việc cho phép những di chuyển dân sự xuyên qua VPQS. Về vấn đề CPCMLTCHMNVN, để thỏa mãn đòi hỏi của VNCH, được giải quyết bằng hai cách: 1) Danh xưng CPCMLTCHMNVN chỉ được ghi trong phần mở đầu (preamble), hoàn toàn không có ghi trong phần chính của bản thỏa hiệp; 2) Trong phần chữ ký, phe Cộng sản, tức Bắc Việt và CPCMLTCHMNVN sẽ ký chung trong một trang, và phe Tự Do, tức Hoa Kỳ và VNCH, sẽ ký chung trong một trang khác. Ngày 13-1-1973, hai bên hoàn toàn đồng ý với nhau về mọi điều khoản trong bản thỏa hiệp cũng như thủ tục ký kết bản thỏa hiệp.

Ngày 14-1-1973, Tổng Thống Nixon gửi thêm một văn thư nữa cho Tổng Thống Thiệu và lần này cũng lại do chính Tướng Haig mang sang. Trong thư, Nixon nói rõ ông đã quyết định sẽ ký bản thỏa hiệp vào ngày 27-1-1973, và, nếu cần, Hoa Kỳ sẽ ký một mình; trong trường hợp này ông sẽ công khai tuyên bố là Chính phủ VNCH đã cản trở hòa bình; và, để phía VNCH dễ dàng chấp nhận cùng ký vào bản thỏa hiệp, ông cũng lại hứa, sẽ tiếp tục viện trợ quân sự và kinh tế cho VNCH, và, nếu, Bắc Việt vi phạm thỏa hiệp, ông sẽ trả đũa mạnh mẽ. Nguyên văn Anh ngữ trong văn thư như sau: ***"I have therefore irrevocably decided to proceed to initial the Agreement on January 23, 1973 and to sign it on January 27 in Paris. I will do so, if necessary, alone. In that case I shall have to explain publicly that your Government obstructs peace."*** [34] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Do đó tôi đã dứt khoát quyết định tiến hành ký tắt bản Thỏa Hiệp vào ngày 23 Tháng Giêng năm 1973 và ký chính thức vào ngày 27 Tháng Giêng tại Paris. Nếu cần, tôi sẽ làm điều đó một mình. Trong trường hợp đó, tôi sẽ phải giải thích một cách công khai là Chính phủ của Ngài cản trở hòa bình").* Tổng Thống Thiệu vẫn không chịu nhượng bộ ngay; ông lại gửi thêm một văn thư nữa cho Tổng Thống Nixon đề ngày 17-1-1973, yêu cầu điều chỉnh lại các điều khoản về VPQS, về vấn đề quân Bắc Việt tại Miền Nam, và về vai trò của ủy hội kiểm soát đình chiến. Lần này Tổng Thống Nixon không nhượng bộ nữa, ông trả

lời ngay cùng ngày, nhắc lại tất cả các điểm trong văn thư ngày 14-1, và yêu cầu Tổng Thống Thiệu trả lời văn thư này chậm nhứt là vào sáng ngày 20-1-1973 (ngày ông sẽ tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống Hoa Kỳ nhiệm kỳ 2). Tổng Thống Thiệu vẫn chưa chịu chấp nhận, lại gửi thêm một văn thư nữa đề ngày 20-1-1973 trong đó ông đề nghị một vài phương cách để giải quyết vấn đề quân Bắc Việt tại Miền Nam. Ngày hôm sau, 21-1-1973, Tổng Thống Nixon gửi cho Tổng Thống Thiệu một ***công điện*** trong đó ông nói rõ là không còn thời gian để cứu xét bất cứ đề nghị nào của VNCH nữa hết, và yêu cầu Tổng Thống Thiệu, nếu đồng ý cùng ký kết với Hoa Kỳ, phải trả lời trước 12 giờ trưa, ngày 21-1-1973, giờ Washington, Hoa Kỳ, tức là vào sáng sớm ngày 22-1-1973, giờ Sài Gòn, Việt Nam.[35] Lần này thì Tổng Thống Thiệu đã hiểu quá rõ là ông không còn có cách nào khác hơn là phải đồng ý ký vào Thỏa Hiệp Paris mà thôi, nghĩa là ông phải làm cái chuyện mà ông đã không muốn làm trước đây, khi ông nói với Tướng Haig vào ngày 19-12-1972 sau khi đọc xong thư của Tổng Thống Nixon đề ngày 17-12-1972 là các ông muốn tôi ký thỏa hiệp không phải vì hòa bình mà chỉ là để tiếp tục nhận được viện trợ của Hoa Kỳ. Trong cuốn hồi ký của mình, Tổng Thống Nixon đã ghi lại rõ chuyện này như sau: ***"After Thieu had read the letter through twice, he looked up and said that it was obvious that he was not being asked to sign an agreement for peace but rather an agreement for continued American support. Haig replied that as a soldier and as someone completely familiar with Communist treachery, he agreed with Thieu's assessment."*** [36] (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Sau khi đọc hết bức thư hai lần, ông Thiệu ngước lên và nói* [với Tướng Haig] *là rõ ràng ông ta được yêu cầu ký một bản thỏa hiệp không phải vì hòa bình mà đúng ra là một thỏa hiệp để tiếp tục được Hoa Kỳ viện trợ. Haig trả lời rằng với tư cách một quân nhân và một người hoàn toàn quen thuộc với sự dối trá của Cộng sản ông đồng ý với đánh giá của ông Thiệu").*

Thay Lời Kết

Có thể nói Hòa đàm Paris (từ 13-5-1968 đến 27-1-1973) là một mối bận tâm rất lớn về chính trị của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu trong phần lớn nhiệm kỳ 1 và gần nữa nhiệm kỳ 2 của ông. Ngay từ đầu, chắc ông cũng đã thấy rõ sự thay đổi lớn và gần như không thể đảo ngược được trong chính sách của Hoa Kỳ về Chiến tranh Việt Nam: xuống thang, rút quân, và thương thuyết để có thể chấm dứt chiến tranh và mang tù binh về. Tuy cách làm của hai vị Tổng Thống kế tiếp (Johnson rồi Nixon) có khác nhau nhưng mục tiêu thì hoàn toàn giống nhau. Sự sống còn của VNCH, tuy không phải hoàn toàn bị Hoa Kỳ bỏ mặc, vẫn không thể được đặt trên mục tiêu nói trên. Tổng Thống Thiệu hiểu rất rõ điều này và đã cố gắng làm hết sức mình trong bối cảnh chính trị – ngoại giao vô cùng khó khăn đó. Ông đã có đủ can đảm thách thức và đương đầu với hai vị Tổng Thống Hoa Kỳ kế tiếp nhau. Tuy ông không đạt được mục tiêu mong muốn (buộc Bắc Việt phải rút quân ra khỏi Miền Nam) trong Hòa đàm Paris, ông cũng đã buộc được Tổng Thống Nixon phải có lời hứa trên giấy trắng mực đen sẽ tiếp tục viện trợ quân sự và kinh tế cho VNCH và sẽ trả đủa mạnh mẻ nếu Bắc Việt vi phạm Hiệp Định Paris trước khi ông đồng ý, vào phút chót, cùng với Hoa Kỳ ký vào Hiệp Định

này. Để có được sự khẳng định của Tổng Thống Nixon một cách công khai về hai lời hứa này, ông đã viếng thăm Hoa Kỳ vào đầu tháng 4-1973, mặc dù được biết sẽ không được tiếp chính thức tại thủ đô Washington như một Quốc Trưởng. Thông Cáo Chung của 2 vị Tổng Thống sau cuộc hội đàm tại San Clemente, California, ngày 3-4-1973 tái khẳng định các lời hứa đó. Không may, Tổng Thống Nixon phải từ chức vào ngày 9-8-1974 vì vụ Watergate. Tổng Thống kế nhiệm, Gerald Ford, là vị Tổng Thống đầu tiên trong lịch sử của Hoa Kỳ không do dân bầu ra, đã bị Quốc Hội do đa số Dân Biểu và Thượng Nghị Sĩ thuộc đảng Dân Chủ khống chế và trói tay. Mọi viện trợ quân sự cho VNCH, như Tổng Thống Nixon đã hứa hẹn, đã bị Quốc Hội Hoa Kỳ thẳng tay bác bỏ, và việc Hoa Kỳ trả đủa đối với các vi phạm Hiệp Định Paris của Bắc Việt (tấn chiếm Phước Long vào tháng 1-1975, và Ban Mê Thuộc vào tháng 3-1975), như Tổng Thống Nixon đã cam kết, cũng đã không được thực hiện. Sự sụp đổ của VNCH vào ngày 30-4-1975 là hậu quả khó tránh được của việc bỏ rơi Đồng Minh của Hoa Kỳ.

Ghi Chú:

1. Asselin, Pierre. ***A Bitter peace: Washington, Hanoi and the making of the Paris Agreement***. Chapell Hill, N.C.: University of North Carolina Press, 2002. Tr. 7-8 có ghi như sau: ***"However, because he believed Hanoi would not accept the proposal for quadripartite talks since it did not recognize his government, Thieu never formally communicated his objection to the proposal to Washington."*** (Xin tam dịch sang Việt ngữ như sau: *"Tuy nhiên, vì ông tin là Hà Nội sẽ không chấp nhận đề nghị hòa đàm 4 phe vì họ không công nhận chính phủ của ông, ông Thiệu đã không bao giờ thông báo chính thức sự phản đối đề nghị đó của ông cho Hoa Thịnh Đốn").*
2. Bùi Điễm. ***Gọng kìm lịch sử.*** Paris: Phạm Quang Khai, 2000. Tr. 394-395.
3. Johnson, Lyndon Baines. ***The Vantage point: perspectives of the presidency, 1963-1969***. New York: Holt, Rinehart and Winston, 1971. Tr. 517-518.
4. Bùi Diễm, sđd, tr. 403.
5. Đoàn Thêm. ***Việc từng ngày: 1968***; tựa của Lãng Nhân. [Sài Gòn]: Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai, 1969; Los Alamitos, Calif.: Nhà xuất bản Xuân Thu tái bản, 1989. Tr. 399.
6. Kissinger, Henry. ***White House years.*** Boston: Little, Brown & Co., 1979. Tr. 1324-1325.
7. Nguyễn Phú Đức. ***The Vietnam's peace negotiations: Saigon's side of the story***. Christiansburg, Va.: Dalley Book Service, 2005. Tr. 10-13.
8. Quân số Hoa Kỳ tại VNCH trong khoảng thời gian 1968-1973 là như sau: 536.100 (1968), 475.200 (1969), 334.600 (1970), 156.800 (1971), và 24.200 (1972). Nguồn tin: U.S. Department of Defense Manpower Data Center; tại địa chỉ Internet sau đây: http://www.americanwarlibrary.com/vietnam/vwatl.htm
9. Kissinger, sđd, tr. 1318.
10. Nixon, Richard. ***The Memoirs of Richard Nixon***. New York: Grosset & Dunlap, 1978. Tr. 700.
11. Nguyễn Phú Đức, sđd, tr. 310.
12. Nguyễn Phú Đức, sđd, tr. 310-311.
13. Kissinger, sđd, tr. 1326.
14. Nguyễn Phú Đức, sđd, tr. 315-316.
15. Nixon, sđd, tr. 600.
16. Nixon, sđdf, tr. 693.
17. Nixon, sđd, tr. 696.

18. Kissinger, sđd, tr. 1385.
19. Nixon, sđd, tr. 698-699.
20. Nguyễn Phú Đức, sđd, tr. 332-333.
21. ***United States presidential election, 1972***, tài liệu trực tuyến trên Internet, tại địa chỉ sau đây: https://en.wikipedia.org/wiki/United_States_presidential_election,_1972
22. Nguyễn Tiến Hưng. ***Khi đồng minh tháo chạy***. San Jose, Calif.: Cơ sở xuất bản Hứa Chấn Minh, 2005. Tr. 529-532.
23. Nguyễn Phú Đức, sđd, tr. 341.
24. Kissinger, sđd, tr. 1410.
25. Nguyễn Phú Đức, sđd, tr. 353.
26. Nguyễn Phú Đức, sđd, tr. 354-355. Tác giả ghi như sau: ***"I asked him whether he had come up with something new on the withdrawal of the NVA, as President Nixon, the day before, did not foreclose the issue, Kissinger said that it would be impossible to have the NVA withdrawal in the agreement."*** Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Tôi hỏi ông ta đã nghĩ ra được điều gì mới về vấn đề rất quân của Bắc Việt, vì như Tổng Thống Nixon, ngày hôm trước, đã không có gạt bỏ vấn đề đó, Kissinger trả lời là không thể nào có được điều khoản rút quân của Bắc Việt trong bản thỏa hiệp được").*
27. Nguyễn Phú Đức, sđd, tr. 356.
28. Nguyễn Phú Đức, sđd, tr. 361.
29. Nixon, sđd, tr. 737.
30. Nguyễn Phú Đức, sđd, tr. 365.
31. Nguyễn Phú Đức, sđd, tr. 367.
32. ***Operation Linrbacker II: The Christmas bombing***, tài liệu trực tuyến tại địa chỉ Internet sau đây: http://thevietnamwar.info/operation-linebacker-ii-christmas-bombing/, ở tr. 2.
33. Nguyễn Tiến Hưng, tr. 547-548.
34. Kissinger, sđd, tr. 1469.
35. Nguyễn Phú Đức, sđd, tr. 373.
36. Nixon, sđd, tr. 737.